

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐST

Ngày: 23-4-2019

“V/v xin ly hôn
và tranh chấp con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Trà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Thanh Dung

Bà Trần Thị Long

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1987; Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1984; Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Tịch T, xã Tam N, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam T, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại số 14/2017. Vợ chồng bà N và ông M chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà N và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông M không có trách nhiệm gia đình, không phụ giúp bà N nuôi con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Tình trạng này đã kéo từ cuối năm 2017 cho đến thời điểm hiện nay nhưng không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc

dù, bà N đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông M vẫn không thay đổi. Đến thời điểm hiện nay, bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017. Bà N yêu cầu ông Nguyễn Thanh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu A đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh M có ý kiến như sau: Ông M thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian đăng ký kết hôn và con chung. Về việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông M không đồng ý, ông M yêu cầu Tòa án xem xét cho ông và bà N đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông thống nhất giao con chung Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017 cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng; ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, trong các lần Tòa án mở phiên tòa xét xử để giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã thực hiện thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Thanh M nhưng ông M vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà N có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị N; giao con chung Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017 cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng và buộc ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: không đề cập xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật; Bị đơn chịu án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem

xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh M, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an xã Tam N thì ông Nguyễn Thanh M có đăng ký thường trú tại thôn Tịch T, xã Tam N, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam T, huyện Núi T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại số 14/2017. Vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được, ông M không quan tâm đến gia đình, con cái, tình cảm của hai vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà N xin ly hôn với ông M vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tự khắc phục. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung:* Bà N và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017, bà N yêu cầu giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và đang được bà N nuôi dưỡng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông M thống nhất giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu A căn cứ vào khoản 3 điều 81 luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao con chung Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông M thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp với Điều 82 luật Hôn nhân – Gia đình nên cần xem xét chấp nhận;

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[5] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Thanh M phải chịu án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N. Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 18/8/2017 cho Bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Thanh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung Nguyễn Trần Minh A đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 4 năm 2019.

Ông Nguyễn Thanh M được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà N thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004038 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Ông Nguyễn Thanh M phải chịu án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ HOÀNG TRÀ

